TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THUẬN CHÂU** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2017/DSST
Ngày: 11-9-2017
V/v : Tranh chấp hợp đồngvay tài sản.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUẬN CHÂU TỈNH SƠN LA

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Lường Tiến Hải

Các Hội thẩm nhân dân : 1. Ông Lường Văn Pọm

2. Ông Lò Văn Quốc

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà : Bà Trần Thị Mai - Cán bộ Toà án nhân dân huyện Thuận Châu tỉnh Sơn La.

Ngày 11/9/2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 04/2017/TLST-DS ngày 03/01/2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2017/QĐXXST-DS ngày 01/9/2017 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Ngọc T**; Địa chỉ: số nhà 03, tiểu khu 5, thị trấn T, huyện T, tỉnh Sơn La. Có mặt tại phiên tòa.

***Bị đơn*: Công ty trách nhiệm hữu hạn Phan T**; Tên giao dịch : **Công ty trách nhiệm hữu hạn Phan T**; Địa chỉ trụ sở chính : Số nhà 86, đường Chu Văn Thịnh, tổ 1, phường Tu, thành phố S, tỉnh Sơn La do ông **Phan Văn T** Chủ tịch Hội đồng quản trị - Giám đốc công ty; Địa chỉ hiện tại : tiểu khu 11, thị trấn T, huyện T, tỉnh Sơn La là người đại diện theo pháp luật. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 20/12/2016 và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu ông Nguyễn Ngọc T (nguyên đơn) trình bày :

Năm 2006 Công ty TNHH Phan T. Địa chỉ : tiểu khu 11, thị trấn T, huyện T, tỉnh Sơn La do ông Phan Văn T - Giám đốc có vay tôi số tiền 293.640.000^{đ} với lãi suất 2%/tháng thể hiện bằng hợp đồng kinh tế ký ngày 25/5/2006. Bên Công ty TNHH Phan T do ông Phan Văn T - Giám đốc đã nhận đủ tiền và trả lãi cho tôi từ tháng 5 năm 2006 đến tháng 6 năm 2014 thì không trả tôi nữa, số tiền lãi từ tháng 7 năm 2017 là 198.006.000^{đ} không trả tôi như đã thỏa thuận và không trả tiền nợ gốc của tôi như đã thỏa thuận. Tổng số tiền nợ tôi là : 462.015.000^{đ}.

Khi vay Công ty TNHH Phan T do ông Phan Văn T - Giám đốc đã thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 893659 do UBND huyện Thuận Châu cấp ngày 26/11/1994 mang tên ông Phan Văn Q (anh trai ông Phan Văn T) thế chấp cho tôi. Năm 2009 tôi có có cho anh Phan Văn T mượn lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này nhưng sau một tháng ông T đã không trả nợ cho tôi cho đến nay.

Chính vì vậy, tôi đã có đơn khởi kiện yêu cầu Toà án buộc anh Công ty TNHH Phan T do ông Phan Văn T - Giám đốc phải thanh toán toàn bộ tiền gốc là số tiền 264.009.000^{đ}, tiền lãi từ tháng 7/2014 cho đến thời điểm xét xử theo lãi suất cho vay của Ngân hàng.

Bị đơn Công ty TNHH Phan T do ông Phan Văn T - Giám đốc trình bày : Tại bản tự khai tại các phiên hoà giải và tại phiên tòa như sau: Công ty TNHH Phan T do ông Phan Văn T - Giám đốc xác nhận việc vay tài sản giữa công ty và ông Nguyễn Ngọc T là có thực và đúng như ông Nguyễn Ngọc T đã trình bày. Số tiền Công ty vay ông Nguyễn Ngọc T là để làm ăn và đã thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 893659 do UBND huyện Thuận Châu cấp ngày 26/11/1994 mang tên ông Phan Văn Q (anh trai ông Phan Văn T) cho anh Nguyễn Ngọc T. Năm 2009 tôi có lấy lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đến nay. Sau khi vay tiền do làm ăn thua lỗ nên không thể trả hết cho ông Tùng tôi chỉ có thể trả cho anh Nguyễn Ngọc T số tiền là 30.000.000^{đ}.

Tại bản tự khai, tại phiên hòa giải và tại phiên tòa các bên đương sự đã không thống nhất về việc trả nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về nội dung tranh chấp : Việc ông Nguyễn Ngọc T và Công ty TNHH Phan T do ông Phan Văn T - Giám đốc đã ký kết hợp đồng kinh tế là có thật. Sau đó do Công ty TNHH Phan T do ông Phan Văn T - Giám đốc không thực hiện hợp đồng này và đã chuyển hóa thành hợp đồng vay tài sản. Sau khi không thực hiện đầy đủ như hợp đồng kinh tế như đã ký kết hai bên đã làm giấy tờ chuyển sang hợp đồng vay nợ cụ thể trong quá trình vay Công ty TNHH Phan T do ông Phan Văn T - Giám đốc đã thanh toán được cho ông Nguyễn Ngọc T số tiền là 244.000.000^{đ} và hiện còn nợ lại ông Nguyễn Ngọc T số tiền nợ gốc là : 264.009.600^{đ}.

Xác định lỗi để hợp đồng vay tài sản không thanh lý được là hoàn toàn thuộc về Công ty TNHH Phan T. Về lãi suất ông Nguyễn Ngọc T yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật là có căn cứ bởi lẽ Công ty TNHH Phan T do ông Phan Văn T - Giám đốc đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết. Do đó cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông Nguyễn Ngọc T là buộc Công ty TNHH Phan T do ông Phan Văn T - Giám đốc phải thanh toán toàn bộ tiền gốc là 264.009.600^{đ} và tiền lãi trong hạn theo thỏa thuận là 2,5%/tháng từ tháng 7 năm 2014 đến ngày 31/12/2014. Tuy nhiên lãi suất các bên thỏa thuận vượt quá quy định của pháp luật nên cần áp dụng điểm a khoản 5 Điều 466; khoản 1 Điều 468 BLDS điều chỉnh lại mức lãi suất là 20%/năm tương đương

1,667%/tháng. Như vậy lãi suất trong hạn Công ty TNHH Phan T phải trả cho Nguyễn Ngọc T là: 264.009.600đ x 6 tháng x 1,667%/tháng = 26.400.000đ (hai mươi sáu triệu, bốn trăm nghìn đồng).

Ngoài ra do Công ty TNHH Phan T chậm trả lãi là 26.400.000đ nên phải chịu lãi theo mức lãi suất theo khoản 2 Điều 468 BLDS từ ngày 01/01/2015 đến ngày Tòa án sơ thẩm xét xử, ngày 11/9/2017 là 10%/năm tương đương 0,833%/tháng; tương đương 0,028%/ngày.Như vậy Công ty TNHH Phan T phải trả cho ông Nguyễn Ngọc T là: (26.400.000đ x 10% x 2 năm) + (26.400.000đ x 0,8333% x 8 tháng) + (26.400.000đ x 0,0274% x 12 ngày) = 7.126.700đ (bảy triệu, một trăm hai mươi sáu nghìn, bảy trăm đồng)

Từ ngày 01/01/2015 đến ngày Tòa án sơ thẩm xét xử, ngày 11/9/2017 (là 02 năm 08 tháng 12 ngày) Công ty TNHH Phan T không trả tiền nợ gốc và nợ lãi theo thỏa thuận, cần áp dụng điểm a, b khoản 5 Điều 466; khoản 1 Điều 468 BLDS buộc Công ty TNHH Phan T phải chịu lãi suất quá hạn là 30%/năm tương đương 2,5%/tháng; tương đương 0,0833%/ngày. Như vậy lãi suất quá hạn Công ty TNHH Phan T phải trả cho ông Nguyễn Ngọc T là: (264.009.600đ x 30% x 2) + (264.009.600đ x 2,5% x 8) + (264.009.600đ x 0,0822% x 12) = 213.803.800đ (hai trăm mười ba triệu tám trăm linh ba nghìn, tám trăm đồng).

Tổng cộng Công ty TNHH Phan T phải thanh toán cho ông Nguyễn Ngọc T cả gốc và lãi số tiền là 264.000.000đ + 26.400.000đ + 7.126.700đ + 213.803.800đ= 511.330.500đ (năm trăm mười một triệu ba trăm ba mươi nghìn năm trăm đồng).

Nhằm để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Nguyễn Ngọc T, sau khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án nếu Công ty TNHH Phan T không thi hành khoản tiền trên thì phải chịu lãi suất chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 BLDS năm 2015.

[2] Về án phí : Trong vụ án này yêu cầu của ông Nguyễn Ngọc T được Tòa án chấp nhận toàn bộ, Công ty TNHH Phan T là người có lỗi do vậy phải chịu án phí dân sự có giá ngạch là 20.000.000 + (4% x 111.330.500) = 25.566.500 đồng (hai mươi lăm triệu năm trăm sáu mươi sáu nghìn, năm trăm đồng).

Ông Nguyễn Ngọc T được hoàn lại tạm ứng án phí số tiền 6.600.000đ vận dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[3]. Về quyền kháng cáo : Các đương sự được kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật căn cứ Điều 271, Điều 273 BLTTDS.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 BLDS năm 2015; Điều 147, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu kiện đòi nợ của ông Nguyễn Ngọc T đối với công ty TNHH Phan T. Xử buộc công ty TNHH Phan T phải thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc và tiền lãi ông Nguyễn Ngọc T như sau : Số tiền nợ gốc là: 264.000.000 đồng + số tiền lãi là 247.330.500 đ. Tổng cộng là 511.330.500^{đ} (năm trăm mười một triệu ba trăm ba mươi nghìn năm trăm đồng).

Sau khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày Ông Nguyễn Ngọc T có đơn yêu cầu thi hành án, cơ quan thi hành án ra quyết định thi hành mà người phải thi hành án không nộp thì hàng tháng phải chịu lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 BLDS tương ứng với thời gian và số tiền phải thi hành.

2. Án phí : Công ty TNHH Phan T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 25.566.500 đồng (hai mươi lăm triệu năm trăm sáu mươi sáu nghìn, năm trăm đồng).

Ông Nguyễn Ngọc T được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.600.000^{đ} (sáu triệu sáu trăm nghìn đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La theo biên lai thu số AA/2013/03355 ngày 03/01/2017.

3. Về quyền kháng cáo : Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận :
- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Thuận Châu (2 bản);
- Chi cụcTHADS huyện Thuận Châu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lường Tiến Hải